TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lê Đức Dũng**
2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 155/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/4/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Cẩm T, sinh năm 1995 *(vắng mặt).*
Địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 *(vắng mặt).*
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai.
- *Người làm chứng*:
1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1965 *(vắng mặt).*
Địa chỉ: Tổ 11, ấp Đ, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
2. Bà Hồ Thị X, sinh năm 1954 *(vắng mặt).*
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm T bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, thương yêu nhau trong một thời gian đến năm 2017 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ,

huyện M, tỉnh Đồng Nai vào ngày 24/3/2017. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau; anh T hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình; hay chửi bới, xúc phạm chị. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay do cuộc sống hôn nhân của chị và anh T không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đX hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 30/5/2017 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 27/5/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Từ khi thụ lý Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn T, nhưng anh T vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh thì bà Hồ Thị X - là mẹ ruột của anh T và bà Đặng Thị H – mẹ ruột của chị T cho biết:* theo bà X, sau khi kết hôn thì vợ chồng anh T, chị T sinh sống cùng với bà một thời gian ngắn, sau đó anh chị chuyển về xã L sinh sống để thuận tiện cho công việc buôn bán của chị T nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như thế nào thì bà không rõ. Còn theo bà H cho rằng, sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng chị T, anh T chuyển về sinh sống cùng nhà với vợ chồng bà tại xã M, huyện L. Quá trình chung sống bà thấy giữa anh T và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh T không lo làm ăn phụ giúp chị T, sống với nhau không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay.

** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C*:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

+ Về nội dung: áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T và anh T ly hôn; về con chung: giao cháu H và K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Ngô Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Văn T, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: ấp Bể Bạc, xã Đ, Hện M, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm T có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân Hện M tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2017 ngày 24/3/2017, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy:

Theo trình bày của chị T thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, do anh T hay nhậu nhẹt; không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình; hay chửi bới, xúc phạm chị. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tuy anh T vắng mặt không có lời khai tại Tòa án, nhưng qua lời trình bày của bà Đặng Thị H – mẹ ruột của chị T thì thấy: giữa anh T và chị T có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu H và K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị T thì thấy hiện tại chị T có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu H và K thì thấy nên giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ. Nên chấp nhận cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và K.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định, tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và không có nợ chung, do anh T vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HN và GĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Ngô Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: giao con chung cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 30/5/2017 và cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 27/5/2019 cho chị Ngô Thị Cẩm T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi X của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị Ngô Thị Cẩm T phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. CHển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0001962 ngày 07/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
-UBND xã Đ;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Khuyên